|  |  |
| --- | --- |
|  PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC **TRƯỜNG THCS THCS TRẦN PHÚ**Số: 01/BC-THCSTP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Đại Hiệp, ngày 20 tháng 9 năm 2022* |

Thực hiện Hướng dẫn Liên tịch số 01/HDLTT-PGDĐT-LĐLĐ, ngày 12/9/2022 về việc tổ chức Hội nghị CBVC-ĐVCĐ năm học 2022-2023;

Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022-2023 của Trường THCS Trần Phú;

Nay Trường THCS Trần Phú báo cáo tổng kết nhiệm vụ năm học 2021-2022 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2022-2023 với các nội dung sau:

**PHẦN I**

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022**

**I. Việc phát triển mạng lưới trường, lớp; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia; phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên, trường chất lượng cao**

1. Phát triển quy mô trường, lớp, học sinh, giáo viên.

a) Năm học 2021-2022, tính đến 31/5/2022, đơn vị có:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp học** | **Trường** | **Lớp** | **HS** | **Đội ngũ: 44** | **Tỉ lệ CBGVNV đạt trình độ ĐH** | **Tỉ lệ trên****ĐH** |
| **CBQL** | **GV+TPT** | **NV** |
| **THCS** | Trần Phú | **17** | **603** | **2** | **36** | **6** | 38/44= 86,4% | **0** |
| *(\*)* |  | 0 | -12 | 0 | 0 | 0 | Còn 02 GVđang học ĐH | 0 |

b) Nhận xét các biến động về số liệu so với năm học 2021-2022: Toàn trường có 17 lớp giảm 1 lớp so với năm học 2020-2021 ( do đầu vào lớp 6 giảm và đầu ra lớp 9 tăng); Bỏ học 01 em chiếm tỉ lệ 0,33%.

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Học sinh giảm cơ hữu, riêng học sinh bỏ học do bản thân em không thể tiếp thu và được cha mẹ đồng ý cho nghỉ để học nghề. Nhà trường và BDC thôn đã vận động nhiều lần nhưng không được.

2. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

- Đã được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia năm học 2019-2020 mức độ 2.

- Đã được công nhận trường đạt chuẩn KĐCKGD năm học 2019-2020 cấp độ 3

 - Kế hoạch đăng kí KĐCLGD sau 5 năm vào năm 2024

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: không

3. Công tác phổ cập giáo dục:

Kết quả phổ cập giáo dục THCS năm 2021 đạt mức độ 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số trẻ tốt nghiệp TH vào lớp 6** | **Số HS L9 tốt nghiệp THCS** | **Số TTN 15-18 tuổi** **tốt nghiệp THCS** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 2021-2022 | Số HS/tổng số HS TNTH113/113 | *100%* | Số HS TN/TSHS lớp 147/147 | *100%* | 636/644 | 98,76% |

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: không

4. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày: không có

**II. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục THCS**

1/ Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh năm học 2021-2022

-Đối với lớp 6 (đánh giá theo TT22/TT-BGDDT)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Kết quả học tập** | **Kết quả rèn luyện** |
| **Tốt** | **Khá** | **Đạt** | **Tốt** | **Khá** | **Đạt** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
|  | **109** | **34** | **31.19%** | **48** | **44.04%** | **27** | **24.77%** | **108** | **99.08%** | **1** | **0.92%** | **0** | **0.00%** |
| 61 | 36 | 14 | 38.89% | 16 | 44.44% | 6 | 16.67% | 35 | 97.22% | 1 | 2.78% | 0 | 0.00% |
| 62 | 36 | 8 | 22.22% | 18 | 50.00% | 10 | 27.78% | 36 | 100.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 63 | 37 | 12 | 32.43% | 14 | 37.84% | 11 | 29.73% | 37 | 100.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |

- Đối với lớp 7, 8, 9: Nhà trường đã chú trọng dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Học lực** | **Hạnh kiểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Yếu** | **Kém** | **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Yếu** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| **TỔNG CỘNG** | **487** | **156** | **32.03%** | **228** | **46.82%** | **102** | **20.94%** | **1** | **0.21%** | **0** | **0.00%** | **463** | **95.07%** | **24** | **4.93%** | **0** | **0.00%** | **0** | **0.00%** |
| **Khối 7** | **178** | **56** | **31.46%** | **74** | **41.57%** | **47** | **26.40%** | **1** | **0.56%** | **0** | **0.00%** | **164** | **92.13%** | **14** | **7.87%** | **0** | **0.00%** | **0** | **0.00%** |
| 1 | 71 | 35 | 10 | 28.57% | 16 | 45.71% | 9 | 25.71% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 33 | 94.29% | 2 | 5.71% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 2 | 72 | 36 | 7 | 19.44% | 16 | 44.44% | 12 | 33.33% | 1 | 2.78% | 0 | 0.00% | 33 | 91.67% | 3 | 8.33% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 3 | 73 | 35 | 11 | 31.43% | 14 | 40.00% | 10 | 28.57% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 33 | 94.29% | 2 | 5.71% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 4 | 74 | 37 | 14 | 37.84% | 14 | 37.84% | 9 | 24.32% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 33 | 89.19% | 4 | 10.81% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 5 | 75 | 35 | 14 | 40.00% | 14 | 40.00% | 7 | 20.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 32 | 91.43% | 3 | 8.57% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| **Khối 8** | **162** | **48** | **29.63%** | **83** | **51.23%** | **31** | **19.14%** | **0** | **0.00%** | **0** | **0.00%** | **159** | **98.15%** | **3** | **1.85%** | **0** | **0.00%** | **0** | **0.00%** |
| 6 | 81 | 32 | 8 | 25.00% | 17 | 53.13% | 7 | 21.88% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 32 | 100.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 7 | 82 | 33 | 10 | 30.30% | 20 | 60.61% | 3 | 9.09% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 33 | 100.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 8 | 83 | 31 | 11 | 35.48% | 16 | 51.61% | 4 | 12.90% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 30 | 96.77% | 1 | 3.23% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 9 | 84 | 32 | 6 | 18.75% | 16 | 50.00% | 10 | 31.25% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 30 | 93.75% | 2 | 6.25% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 10 | 85 | 34 | 13 | 38.24% | 14 | 41.18% | 7 | 20.59% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 34 | 100.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| **Khối 9** | **147** | **52** | **35.37%** | **71** | **48.30%** | **24** | **16.33%** | **0** | **0.00%** | **0** | **0.00%** | **140** | **95.24%** | **7** | **4.76%** | **0** | **0.00%** | **0** | **0.00%** |
| 11 | 91 | 37 | 7 | 18.92% | 22 | 59.46% | 8 | 21.62% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 34 | 91.89% | 3 | 8.11% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 12 | 92 | 37 | 6 | 16.22% | 24 | 64.86% | 7 | 18.92% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 36 | 97.30% | 1 | 2.70% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 13 | 93 | 37 | 6 | 16.22% | 22 | 59.46% | 9 | 24.32% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 34 | 91.89% | 3 | 8.11% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |
| 14 | 94 | 36 | 33 | 91.67% | 3 | 8.33% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 36 | 100.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% |

Tỉ lệ học sinh lên lớp sau thi lại đạt 100%, không có học lực kém, hạnh kiểm yếu

3. Về chất lượng mũi nhọn:

 Năm học 2021-2022 là năm học tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kép là dạy học trực tiếp gắn với công tác phòng chống dịch Covid-19. Nhà trước duy trì tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi văn hóa 6,7,8 và tập luyện các môn thi đấu của giải HKPĐ tại trường ngay từ đầu năm học

+ Về học sinh giỏi cấp tỉnh: Có 06 em tham gia thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh và đạt 01 giải Khuyến khích môn Toán (em Trần Quốc Thịnh lớp 94).

+ Về học sinh giỏi cấp huyện: Tổng cộng có 48 giải HSG 6789 cấp huyện, trong đó: lớp 9 có 12 giải, lớp 8 có 18 giải, lớp 7 có 12 giải, lớp 6 có 06 giải. Toàn đoàn đạt Khuyến khích cấp huyện (giảm 1 bậc so với năm qua).

+ Giải Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện: Do dịch bệnh nên một số bộ môn không tổ chức như Việt dã, bóng chuyền, bơi lội. Kết quả giải HKPĐ ở vị thứ Tư và đạt giải Khuyến khích toàn đoàn( giảm 1 bậc so với năm qua).

**4. Tình hình và kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn trong trường trung học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

- Năm học 2021-2022 là năm đầu tiên thực hiện dạy học CTGDPT mới 2018 đối với lớp 6, áp dụng đánh giá học sinh theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT, tiếp tục thực hiện thông tư 26/2020/TT-BGDĐT bổ sung một số điều ở Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT về việc đánh giá, nhận xét học sinh; Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; khuyến khích động viên học sinh và giúp đỡ học sinh khó khăn trong học tập. Triển khai soạn giảng kế hoạch bài dạy theo CV5512/BGD ĐT đối với lớp 6, 7, khuyến khích thực hiện đối với lớp 8,9.

-Triển khai các cuộc thi dành cho học sinh như: thi HSG 6789, thi HKPĐ, thi STEM, OTE, Liên đội phát động cuộc thi sáng tạo trẻ; vẽ tranh về môi trường; cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về luật ATGT cho học sinh.

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát nhiều lần phức tạp trong năm học nhà trường tranh thủ bồi dưỡng tập luyện chất lượng mũi nhọn nhưng vẫn không đảm bảo về thời gian và đầu tư chất lượng bồi dưỡng dẫn đến kết quả mũi nhọn giảm 1 bậc so với năm học qua. Các hoạt động giáo dục tập thể, sinh hoạt ngoài trời bị hạn chế và dừng một số hoạt động để phòng chống dịch bệnh Covid-19

**5. Tình hình và kết quả triển khai giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1223/KH-BGDDT ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025” và Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025”.**

\*Giải pháp triển khai giáo dục hướng nghiệp phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

Nhà trường có triển khai các văn bản chỉ đạo của của các cấp và thực hiện đảm bảo giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường. Chú trọng giáo dục nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS

a/ Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh sau THCS.

Nhà trường tổ chức đảm bảo báo cáo hướng nghiệp 1tiết/tháng theo quy định đối với học sinh lớp 9. Có phân luồng chất lượng học sinh sau TNTHCS, lập danh sách học sinh có học lực trung bình, trung bình khá để động viên các em phấn đấu trong học tập nhằm nâng cao khả năng đỗ vào lớp 10, hoặc có định hướng nghề nghiệp, học nghề nếu như hỏng vào lớp 10.

b/ Các biện pháp hướng nghiệp, phân luồng đã triển khai thực hiện và hiệu quả:

Tiếp tục tuyên truyền công tác tuyển sinh của các trường nghề để động viên PHHS có con em hỏng 10 hiểu về chế độ chính sách của trường như miễn giảm học phí để cho con tham gia học nghề. Tiếp tục thực hiện giáo dục hướng nghiệp lớp 9, giới thiệu ngành nghề và thị trường nghề nghiệp cho học sinh lựa chọn phù hợp với khả năng, năng khiếu của mình. Tổ chức nói chuyện dưới cờ, SHL để định hướng nghề nghiệp cho học sinh các khối lớp.

\*Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Học sinh tốt nghiệp THCS nhưng hỏng lớp 10 trường THPT theo phân tuyến nhưng không theo học trường nghề là do các em còn nhỏ, phụ huynh lo lắng không cho đi học xa vì khó quản lý các em. Do vậy các em sau khi hỏng 10 THPT thì ở nhà đăng ký học nghề tự do vì vậy phần lớn không có chứng chỉ nghề và không được tính vào tỉ lệ HS được phân luồng sau TNTHCS.

6**. Tổ chức dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục trung học**

\* Nhà trường quan tâm chất lượng dạy học ngoại ngữ môn Tiếng Anh, trong năm tổ chức được 3 lần sinh hoạt CLB, quy tự nhiều HS có năng khiếu về Tiếng Anh, hỗ trợ các em tham gia giao lưu với nhau để nâng cao kĩ năng nói trong các tiết dạy. Phần lớn giáo viên Tiếng Anh đều đạt trình độ B2 theo khung đánh giá 6 bậc. Chất lượng BD HSG môn Tiếng Anh, cuộc thi OTE được cải thiện hằng năm.

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Nhiều học sinh có khả năng nói và nghe còn hạn chế do các em ít được luyện nghe tại nhà, một số tiết GV ít tổ chức luyện nghe cho HS.

**7. Thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm; tăng cường tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; kỹ năng khởi nghiệp.**

\* Kết quả đạt được trong năm học 2021-2022:

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc việc tổ chức sinh hoạt NGLL cho lớp 789 đảm bảo 2 tiết/tháng/lớp theo quy định và GVCN là người thực hiện theo TKB . Liên đội tổ chức cho học sinh tập hát múa các bài hát tập thể theo quy định, tổ chức Hội vui trung thu cho học sinh, triển khai cho học sinh thi tìm hiểu về ATGT, sưu tầm tem bưu chính và viết thư quốc tế UPU lần thứ 51. Nhìn chung các hoạt động giáo dục NGLL luôn được nhà trường chú trọng và triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung đảm bảo kế hoạch năm học 2021-2022.

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Trong năm học 2021-2022 do dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại nên một số kế hoạch đã triển khai nhưng không tổ chức được.

**8. Thực hiện Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ)**

\* Kết quả đạt được năm học 2021-2022:

Nhà trường có kế hoạch tổ chức tốt công tác giáo dục thể chất, dạy học đảm bảo chương trình và TKB, đầu tư nhiều thiết bị thể dục để học sinh được học và tập luyện: đá bóng, chơi cầu lông, đá cầu, bóng rổ nhỏ. Tham gia đầy đủ các môn thi đấu của giải HKPĐ cấp huyện và đạt giải KK toàn đoàn.

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Việc bảo quản đồ dùng dạy học môn Thể dục chưa tốt, còn để hư hỏng nhiều, ý thức bảo vệ giữ gìn của học sinh chưa cao.

**9. Quản lý việc dạy thêm học thêm; chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; khắc phục tình trạng lạm thu.**

\* Kết quả đạt được năm học 2021-2022: Nhà trường thường xuyên quán triệt cho tất cả CBGV các văn bản chỉ đạo của các cấp về những quy định không được dạy thêm học thêm ngoài nhà trường

Đã tham mưu với lãnh đạo địa phương thành lập ban chỉ đạo quản lý việc dạy thêm học thêm đúng quy định trên địa bàn xã Đại Hiệp. Nhà trường cũng tổ chức cho CBGV ký cam kết không dạy thêm học thêm. Trong năm học 2021-2022 chưa phát hiện vi phạm về dạy thêm học thêm

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Ban chỉ đạo của xã và của trường còn ít đi kiểm tra đột xuất

- CMHS có nhu cầu cho con em được học thêm ở nhà vì cha mẹ đi làm nên muốn gửi con cho thầy cô kèm và quản lý các em.

**III. Công tác chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới**

**1/ Việc chuẩn bị triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo Công văn số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ GDĐT**

\* Kết quả đạt được: Nhà trường đã triển khai đầy đủ các văn bản thực hiện chương trình GDPT mới năm 2018 đến CBGV kịp thời. Tất cả CBGV đều tham gia tập huấn nghiêm túc và đạt yêu cầu các mô đun và tiếp tục thực hiện các mô đun tiếp theo trong thời gian đến. Chú trọng việc tập huấn SGK lớp 6 cho năm học 2021-2022.

**2/ Công tác đổi mới quản lí việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục**

\* Kết quả đạt được:

Nhà trường thực hiện tốt khung thời gian năm học do UBND tỉnh phê duyệt, đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo chương trình dạy học. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về chương trình dạy học của các cấp. Phân công phụ trách từng công việc cụ thể cho CBGVNV trong nhà trường, giao quyền phụ trách và chịu trách nhiệm trước nhiệm vụ được giao.

Triển khai kế hoạch thực hiện bồi dưỡng, tập huấn CTGDPT mới 2018 đầy đủ đến tất cả CBGV chấp hành tốt, hoàn thành công tác BDTX theo từng mô đun được quy định. Luôn rà soát kết quả học tập và nhắc nhở giáo viên hoàn thành nhiệm vụ học tập đảm bảo thời gian.

**3/ Tổ chức biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục địa phương chuẩn bị Chương trình giáo dục phổ thông 2018**

\* Kết quả đạt được: Thực hiện giảng dạy CTGD địa phương đối với lớp 6 đảm bảo tài liệu do Ban tuyên giáo tỉnh ủy biên soạn năm học 2021-2022

\* Đề xuất, kiến nghị: cần có tài liệu giáo dục địa phương lớp 7 sớm hơn cho năm học 2022-2023

**4/ Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, vệ sinh, có tính tham gia và dân chủ:**

\* Kết quả đạt được: Nhà trường có kế hoạch sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên NCBH từ đầu năm. Các tổ chuyên môn đã triển khai thực hiện đảm bảo

Tổ chuyên môn sinh hoạt 2 lần/tháng theo quy định, tổ chức góp ý thảo luận bàn bạc nội dung thực hiện theo NCBH và đổi mới phương dạy học phù hợp với tình hình hiện nay

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Một số tổ thực hiện sinh hoạt theo hướng NCBH chưa đảm bảo chất lượng, chưa nghiên cứu kỹ các điểm mới trong sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo NCBH

**IV. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí**

1/ Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí.

\* Kết quả đạt được: Thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức sinh hoạt chuyên môn

Công tác bồi dưỡng đội ngũ CBGV luôn được quan tâm, nhất là bồi dưỡng CTGDPT mới 2018 đối với lớp 6 năm học 2021-2022 và lớp 7 trong hè 2022.

Động viên khuyến khích số thầy cô giáo tiếp tục học nâng trình độ chuẩn lên đại học để đảm bảo theo Luật giáo dục 2019 (còn 02 GV có trình độ CĐSP, chỉ có 01 GV đang theo học)

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Còn 01 GV chưa tham gia học nâng trình độ chuẩn lên đại học.

2/ Giải pháp tăng cường hiệu quả quản lí đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí

\* Kết quả đạt được:

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị cho đội ngũ thực hiện tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Luôn chú trọng tuyên truyền giáo dục phẩm chất, đạo đức nhà giáo

Động viên, khích lệ thầy cô giáo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao

Tuyên dương, khen thưởng kịp thời đối với những CBGVNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Phân công phân nhiệm rõ ràng cụ thể, đúng người, đúng việc tạo động lực làm việc cho đội ngũ. Đối xử công bằng với mọi CBGVNV, công khai minh bạch về chất lượng, cơ sở vật chất, đội ngũ và tài chính, tài sản trong nhà trường.

Phát huy vai trò trách nhiệm người đứng đầu các bộ phận công tác, đoàn thể, các tổ chuyên môn, văn phòng.

Luôn thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong từng tổ chuyên môn, đoàn thể và nhà trường

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Vẫn còn vài GV trẻ còn thụ động trong công việc, thiếu sức chiến đấu, thiếu tinh thần cầu tiến.

**V. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lí**

\* Kết quả đạt được: Nhà trường thành lập tổ hỗ trợ UDCNTT nhằm hỗ trợ kịp thời cho GV trong công tác dạy học, tập huấn sử dụng một số phần mềm để từng bước thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường.

\* Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Vẫn còn một số giáo viên chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của CNTT, báo cáo cập nhật thông tin trực tuyến còn chậm.

**VI. Kết quả tổ chức dạy và học phòng, chống dịch bệnh COVID-19**

1/ Tình hình thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022

\* Kết quả thực hiện: Nhà trường có thành lập ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid19, tham gia cùng địa phương trong công tác tuyên truyền kiến thức phòng chống dịch bệnh Covid-19. Vì vậy năm học qua số lượng CBGVNV và HS bị mắc Covid-19 ít và được khống chế tốt. Tỉ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 đạt 100%, mũi 2 đạt trên 90%, mũi 3 đạt trên 60%.

Nhà trường thực hiện dạy học đảm bảo chương trình và khung thời gian năm học theo quy định.

**VII. Tình hình thực hiện nội dung Công văn 2142/SGDĐT-GDTrH ngày 08/12/2020 của Sở GDĐT về triển khai Kế hoạch xây dựng “Trường học hạnh phúc” của UBND tỉnh: .**

\* Kết quả thực hiện: Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương thành lập Ban chỉ đạo xây dựng trường học hạnh phúc cho 3 cấp học trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo, có kế hoạch cụ thể. Về phía trường cũng thành lập ban chỉ đạo và kế hoạch xây dựng trường học hạnh phúc để thực hiện đảm bảo các tiêu chí đề ra. Chú trọng bảo đảm an ninh trật tự trường học, phòng chống BLHĐ và xây dựng môi trường xanh sạch đẹp và thân thiện, an toàn.

\* Tồn tại, hạn chế: Do công văn chỉ đạo có nhiều tiêu chí nên trong quá trình thực hiện đôi lúc chưa đảm bảo xuyên suốt.

\* Nguyên nhân: Thời gian nghỉ phòng chống dịch Covid-19 cũng ảnh hưởng không ít đến kế hoạch xây dựng trường học hạnh phúc của nhà trường

**VIII. Đánh giá chung nhiệm vụ năm học 2021-2022**

**1/ Kết quả đạt được:**

\* Chất lượng giáo dục 02 mặt (đại trà) luôn được giữ vững và nâng cao so với năm học qua, tỉ lệ học sinh lên lớp sau thi lại đạt 100%, không có học sinh xếp loại học lực kém, hạnh kiểm yếu. Tỉ lệ học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022 đạt 147/147 em chiếm 100%, học sinh đổ vào lớp 10 THPT đạt 79,6%; có 01 học sinh bỏ học ở HK2 chiếm 0,33%<0,5% chỉ tiêu đề ra.

\* Chất lượng giáo dục thể chất luôn được quan tâm đầu tư và dạy học môn thể dục luôn đảm bảo. Kết quả giải HKPĐ năm học 2021-2022 đạt giải KK toàn đoàn cấp huyện.

\* Chất lượng HSG mũi nhọn văn hóa được quan tâm đúng mức, kêu gọi sự hỗ trợ XHH của CMHS có con em học BD tại trường, quan tâm chia sẻ khó khăn để động viên giáo viên tham gia dạy BD nhiệt tình, trách nhiệm và có chất lượng. Đạt giải KK toàn đoàn HSG 6789. Có 01 học sinh lớp 9 đạt giải KK môn toán cấp tỉnh.

 \* Danh hiệu thi đua năm học 2021-2022

+ CSTĐCS 03 người ( cô Hương, cô Lan, cô Cúc) đạt 9,1%

+ LĐTT: 33/44 người, đạt 75%

+ Liên đội xuất sắc, Chi đoàn xuất sắc; Công đoàn HTTNV; Chi bộ HTTNV; Nhà trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị đạt chuẩn văn hóa năm 2021.

**2. Hạn chế, tồn tại, nguyên nhân:**

\* Hạn chế tồn tại:

 Chất lượng HSG mũi nhọn văn hóa có giảm 1 bậc so với năm học qua do một số môn chất lượng thấp, thậm chí không có giải cá nhân.

Nguyên nhân: Thiếu sự đầu tư của người dạy do phải kiêm nhiệm và học sinh thiếu động cơ tong học tập, một vài môn chọn đội tuyển BDHSG chưa chất lượng ngay từ đầu nên trong quá trình học các em không theo kịp. Ngoài ra, kinh phí để hỗ trợ cho GVBD còn hạn hẹp.

 **3. Các giải pháp khắc phục**

- Đầu tư, bổ sung về CSVC( sửa chữa bàn ghế học sinh)

- Cần huy động công tác XHHGD để xã hội, gia đình và các đoàn thể hỗ trợ cho hoạt động dạy và học, nhất là công tác BD HSG và phụ đạo trong nhà trường. Làm tốt công tác khuyến học, khuyến tài.

**Phần II**

**Phương hướng, nhiệm vụ năm học 2022-2023**

Căn cứ Công văn 240/PGDĐT-THCS, ngày 15/9/2021 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cơ sở năm học 2022-2023 của Phòng GD-ĐT Đại Lộc;

Trường THCS Trần Phú xây dựng phương hướng nhiệm vụ năm học 2022-2023 với các nội dung như sau:

**I. Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023**

***Chủ đề năm học 2022-2023: “Đoàn kết, sáng tạo ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”;***

Với 6 nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Tiếp tục thực hiện NQ 29-NQ/TW năm 2013 về “Đổi mới căn bản và toàn diện của giáo dục-đào tạo”. Quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh rà soát, quy hoạch hợp lí, hiệu quả mạng lưới trường, lớp; Đẩy mạnh phong trào thi đua Dạy tốt-học tốt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

2. Xây dựng giá trị cốt lõi của các nhà trường, hướng đến hoàn thiện các tiêu chí xây dựng trường học hạnh phúc song song với việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và đạt kiểm định chất lượng giáo dục chu kì tiếp theo.

3. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, kỷ luật, kỷ cương, nề nếp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an ninh, an toàn trường học; đẩy mạnh chất lượng mũi nhọn, chất lượng dạy học Ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục đạo đức, lối sống, kĩ năng sống, văn hóa ứng xử cho học sinh theo 5 Điều Bác Hồ dạy.

4. Nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục, thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6 và lớp 7.

5. Tăng cường CSVC, TTBDH đáp ứng việc đổi mới phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học tích cực, các hình thức đánh giá học sinh; đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp. Ứng ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong quản lý và dạy học.

6. Tăng cường phân cấp quản lí có hiệu quả, thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục năm học 2022-2023. Xây dựng nhà trường đoàn kết, thống nhất, có chất lượng và uy tín.

**II. Nhiệm vụ cụ thể:**

**1/ Quy mô trường lớp:**

- Tình hình đội ngũ CBGVNV đầu năm học 2022-2023: 44 người, trong đó CBQL: 02; TPT: 01; GV 35; NV: 06 (BC: 04, HĐ: 02) và được chia làm 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, gồm:

-Tổ Toán-Tin: 8 người

-Tổ Ngữ văn-CD: 6 người

-Tổ Tiếng Anh : 7 người

-Tổ Lý-Hóa-Sinh-CN: 8 người ( có NVTB)

-Tổ Sử-Địa-TD: 7 người

-Tổ Văn phòng: 8 người (có HT,PHT,TPT)

- Trình độ chuyên môn của CBGVNV đạt trình độ chuẩn là 38/44 chiếm 86,4%

- Tình hình học sinh đầu năm học 2022-2023: có 615 em chia thành 18 lớp (tăng 1 lớp) thuộc trường hạng II, trong đó:

Khối 6: 5 lớp với 167 em ; Khối 7: 3 lớp với 108 em

Khối 8: 5 lớp với 178 em; Khối 9: 5 lớp với 162 em

**2/ Nhiệm vụ cụ thể:**

**2.1/ Bảo đảm an toàn trường học, hoàn thành chương trình năm học đáp ứng yêu cầu về chất lượng giáo dục**

- Tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Các văn bản chỉ đạo của ngành, của địa phương, các nội quy, quy chế của nhà trường.

- Phối hợp với Y tế địa phương triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong trường học, chủ động ứng phó với diễn biến của dịch bệnh Covid 19 và phòng chống thiên tai lụt bão; triển khai rộng rãi trong CBGVNV-HS và CMHS để tổ chức thực hiện phương án dạy học theo CV 117/PA-BCĐ ngày 30/8/2021 của Ban chỉ đạo cấp tỉnh phòng, chống dịch Covid-19 khi cần thiết. Mua sắm, bổ sung CSVC, trang thiết bị y tế, vệ sinh môi trường trong nhà trường đảm báoức khỏe học sinh, CBGVNV, chú trọng vệ sinh moi trường, trực nhật lớp, vệ sinh cá nhân, khử trùng, nhắc nhở học sinh sử dụng đồ dùng cá nhân đảm bảo hợp vệ sinh.

- Nhà trường thành lập BCĐ phòng chống dịch bệnh Covid-19, phòng chống thiên tai để chủ động ứng phó với diễn biến phúc tạp của dịch bệnh và thiên tai trên địa bàn, kịp thời xử lý theo chỉ đạo cấp trên đúng quy định.

**2.2/ Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường tiếp tục chủ động ứng phó với tình hình Covid-19, bảo đảm hoàn thành chương trình và khung thời gian năm học 2022-2023**

- Triển khai công văn chỉ đạo của Phòng giáo dục về việc dạy học trực tiếp ở nhà trường đảm bảo các quy định phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Tiếp tục triển khai Chỉ thị 05-CT/TW về việc đẩy mạnh và học tập theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong CBGVNV- HS; Chỉ thị 31/CT-TTg ngày 045/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, tăng cường công tác giáo dục Kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học đảm bảo. Tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục, đạo đức lối sống trong các môn học. Triển khai tổ chức thực hiện công tác học sinh, các nội dung phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, phòng chống các bệnh học đường cho học sinh, bảo vệ mội trường; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, công tác chuyển đổi số; Quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ học sinh nghèo, khuyết tật, khó khăn trong học tập và rèn luyện.

- Thực hiện tốt giáo dục thể chất, tập luyện tổ chức thi đấu các môn thể thao nhằm phát triển thể lực toàn diện cho học sinh, phấn đấu thành lập CLB môn cờ vua trong nhà trường.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch dạy các môn học, hoạt động giáo dục trên cơ sở các yêu cầu cần đạt theo Chương trình GDPT 2018. Đặc biệt đối với lớp 6, 7

- Tập trung nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ môn Tiếng Anh, giáo dục thể chất, môn Nghệ thuật (Âm nhạc và Mĩ thuật), các môn học tích hợp như Lịch sử & Địa lí, KHTN theo yêu cầu CTGDPT 2018.

- Thực hiện tốt yêu cầu đổi mới dạy học môn Ngữ văn tại Công văn số 3175/BGD ĐT-GDTrH, ngày 21/7/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá đối với môn Ngữ văn ở trường trung học phổ thông.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên NCBH, đánh giá, rút kinh nghiệm để SHCM đạt hiệu quả.

- Đối với lớp 8,9 tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2006 hiện hành, tiếp cận thực hiện CTGDPT 2018 cho những năm học tiếp theo.

**2.3/ Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá**

- Triển khai xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo các yêu cầu về phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh lớp 6 tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT.

- Sử dụng thiết bị dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Hướng dẫn học sinh các hình thức học tập trực tiếp và trực tuyến khi cần thiết.

- Phát huy CLB Tiếng Anh tạo môi trường cho học sinh giao tiếp bằng TA để rèn kĩ năng nói và nghe.

- Tiếp tục ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học, từng bước chuyển đổi số trong nhà trường.

- Tập trung đẩy mạnh công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, thể dục thể thao và tham gia đầy đủ các cuộc thi/hội thi dành cho học sinh, chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục 02 mặt và chất lượng đầu ra đối với học sinh lớp 9. Quan tâm đến chất lượng giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, duy trì kết quả phổ cập THCS ở mức độ 3.

**2.4/ Xây dựng trường học hạnh phúc**:

- Tham mưu với chính quyền địa phương thành lập Ban chỉ đạo và kế hoạch xây dựng trường học hạnh phúc đảm bảo các tiêu chí. Làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về mục tiêu, ý nghĩa xây dựng trường học hạnh phúc.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ CBGVNV, tạo điều kiện được tham gia bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tăng cường đổi mới công tác quản lý giáo dục từ các lớp, các tổ đến nhà trường.

2**.5/ Công tác thi đua-khen thưởng**

Tiếp tục thay đổi quan điểm, phương pháp tổ chức công tác thi đua, khen thưởng đối với các tổ chuyên môn, văn phòng, cán bộ quản lý và giáo viên theo quy định. Thực hiện tốt việc khen thưởng, kỷ luật vì sự tiến bộ của cán bộ, viên chức và học sinh tạo kỷ cương, nền nếp trong nhà trường.

**2.6/ Công tác kiểm tra nội bộ trường học**

Nhà trường xây dựng kế hoạch riêng cho công tác kiểm tra nội bộ. Dựa trên kết quả hội nghị tổ đầu năm, thống nhất danh sách GV được đề nghị kiểm tra HĐSPNG và dự kiến thời gian kiểm tra.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổ** | **Số lượng** | **Kiểm tra CĐ(100%)** | **Kiểm tra HĐSPNG** |
| Toán-Tin | 8 | 8 | 3 |
| NV-CD | 6 | 6 | 3 |
| Lý-Hóa-Sinh-CN | 7 | 7 | 3 |
| TA-NH-MT | 8 | 8 | 3 |
| Sử-Địa-TD | 7 | 7 | 3 |
| Văn phòng | 5 | 5 |  |
| CBQL ,TPT | 3 | 3 |  |
| **Tổng cộng** | **44** | **44** | **15** |

**3/ Chỉ tiêu đăng ký chất lượng giáo dục:**

a/ Chất lượng giáo dục hai mặt (đại trà)

+ Học lực Giỏi 35%; học lực Khá 44%; học lực TB 20,5%; học lực Yếu 0,5%, không có học lực loại Kém. Tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt từ 99% trở lên.

+ Đối với lớp 8,9: HK loại Tốt 91%; Khá 8% ; TB <1% ; không có hạnh kiểm loại Yếu

+ Đối với xếp loại học sinh lớp 6,7 theo TT22/2021/TT-BGDĐT, Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh đạt danh hiệu "Học sinh Xuất sắc" nếu có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt, kết quả học tập cả nămđược đánh giá mức Tốt và có ít nhất 06 (sáu) môn học được đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số có ĐTBmcn đạt từ 9,0 điểm trở lên.

- Khen thưởng danh hiệu "Học sinh Giỏi" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm được đánh giá mức Tốt và kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt.

-Khen thưởng cho học sinh có thành tích đặc biệt được nhà trường xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng.

b/ Đăng ký chất lượng mũi nhọn HSG 6,7,8,9 mỗi môn phấn đấu đạt vị thứ từ 1 đến V

 Toàn cấp đạt vị thứ từ I đến III, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Môn BD** | **Lớp 6****(Vị thứ)** | **Lớp 7****(Vị thứ)** | **Lớp 8****(Vị thứ)** | **Toàn cấp** |
| 1 | Toán | I đến V | I đến V | I đến V |  |
| 2 | Ngữ Văn | I đến V | I đến V | I đến V |  |
| 3 | Tiếng Anh | I đến V | I đến V | I đến V |  |
| 4 | KHTN |  | I đến V |  |  |
| 5 | Lý |  |  | I đến V |  |
| 6 | Hóa |  |  | I đến V |  |
| 7 | Sinh |  |  | I đến V |  |
| 8 | Sử |  |  | I đến V |  |
| 9 | Địa |  |  | I đến V |  |
| 10 | Tin |  |  | I đến V |  |
|  | **Đồng đội**  | **I đến V** | **I đến V** | **I đến V** | **I đến III** |

c/ Chất lượng giải HKPĐ cấp huyện phấn đấu mỗi môn thi từ vị thứ I đến V. Toàn đoàn phấn đấu đạt vị thứ từ I đến III.

d/ Các cuộc thi/Hội thi cấp huyện dành cho học sinh do PGD tổ chức:

- Hội thi Tài năng Tiếng Anh (OTE) giao tổ/nhóm bộ môn Tiếng Anh: VT từ I đến III

- Cuộc thi STEM: phấn đấu mỗi tổ có ít nhất 1 sản phẩm dự thi cấp huyện, đạt từ KK trở lên

e/ Duy trì sĩ số học sinh, hạn chế thấp nhất học sinh bỏ học dưới 0,5%. Thực hiện tốt công tác PCGD THCS, giữ vững đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

f/ Tập trung nâng cao chất lượng đầu ra cho học sinh lớp 9, phấn đấu giữ vững đạt 100% học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS và tuyển sinh đỗ vào lớp 10 trường THPT đạt trên 80%. Làm tốt công tác phân luồng học sinh sau TNTHCS để các em được tham gia học nghề ở các trường nghề đảm bảo từ 15% trở lên.

**4/ Đăng ký chỉ tiêu các cuộc thi, hội thi dành cho GV năm học 2022-2023**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổ** | **Số lượng** | **GVDG trường** | **GVDG huyện** | **SKKN huyện** | **STEM** | **OTE** | **Ghi chú** |
| Toán-Tin | 8 | 7 | Nguyễn Thị Lệ My (Toán) | 1 | 1 |  |  |
| NV-CD | 6 | 6 | Nguyễn Lê Phương Thảo (NV) | 1 | 1 |  |  |
| Lý-Hóa-Sinh-CN | 8 | 7 | Huỳnh Thị Thu (Sinh) | 1 | 1 |  | Có NVTB |
| TA-NH-MT | 7 | 6 |  | 0 | 1 | 1 |  |
| Sử-Địa-TD | 7 | 7 | Đoàn Thị Tâm (Địa lí) | 1 | 1 |  |  |
| VP | 5 | 0 |  | 0 |  |  |  |
| CBQL ,TPT | 3 | 0 |  | 0 |  |  |  |
| **TC** | **44** | **33** | **4** | **4** | **5 sp** | **1** |  |

**5/ Đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2022-2023**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổ** | **Số lượng** | **Chuẩn NN-GV** | **Phân loại VC** | **Danh hiệu thi đua** | **Ghi chú** |
| Toán-Tin | 8 | 7-loại tốt | 7-HTXSNV | 1-CSTĐCS(My)6-LĐTT | Thầy Thận NH từ 11/2022 |
| NV-CD | 6 | 6-loại tốt | 6-HTTNV | 1-CSTĐCS(Thảo)5-LĐTT |  |
| Lý-Hóa-Sinh-CN | 8 | 7 -loại tốt | 1-HTXSNV7-HTTNV | 1-CSTĐCS(Thu)7-LĐTT | Có NVTB |
| TA-NH-MT | 7 | 7-loại tốt | 6-HTTNV | 6-LĐTT | 01 không đăng kí |
| Sử-Địa-TD | 7 | 7- loại tốt | 1-HTXSNV6-HTTNV | 1-CSTĐCS(Tâm)6-LĐTT |  |
| VP | 5 | 0 | 5-HTTNV | 5-LĐTT |  |
| CBQL ,TPT | 3 | 2-loại tốt | 2-HTXSNV | 2-LĐTT |  |
| **Tổng cộng** | **44** | **36 CBGV****đạt loại tốt** | **43-HTTNV, trong đó có 12-HTXSNV** | **39-LĐTT,trong đó có 4 –CSTĐCS** |  |

+ Hình thức khen thưởng cá nhân: không có

d/ Đăng ký danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng tập thể:

+ Danh hiệu các đoàn thể: Liên đội xuất sắc; Chi đoàn xuất sắc; Công đoàn HTXSNV; Chi bộ HTTNV trở lên.

+ Danh hiệu nhà trường: Tập thể Lao động Xuất Sắc

+ Hình thức khen thưởng tập thể: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam

**III. Ý kiến đề xuất: không**

Trên đây là báo cáo tổng kết nhiệm vụ năm học 2021-2022 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2022-2023 của trường THCS Trần Phú.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***-Phòng GD-ĐT(báo cáo)-CBGVNV(thực hiện)-Lưu VP |  **HIỆU TRƯỞNG** **Lê Thị Hiền**  |